

Số: 07 /CTCPĐN-CBTT

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN
Báo cáo thường niên Công ty
cổ phần Điện Nước An Giang năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Điện Nước An Giang.
2. Tên tiếng Anh: An Giang Power And Water Supply Joint Stock Company.
3. Trụ sở chính: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
4. Điện thoại: 0296.3856100 Fax: 0296.3857800

Nội dung thông tin công bố :

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang xin công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty.

(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2022)

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang xin công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được rõ.

Thông tin trên được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, tại địa chỉ: www.diennuocag.com.vn (mục quan hệ cổ đông).

Trân trọng kính chào !

CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
CHỦ TỊCH HĐQT



[Signature]
Lương Văn Bạ

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : VT, KH-KD./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
*821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
NĂM 2022

Tháng 03/2023

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CTY CP ĐIỆN NƯỚC
AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Số: Q8./BC-TN.

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Điện nước An Giang.
- Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2011, thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 11 năm 2021.

- Vốn điều lệ: 563.295.670.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi ba tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 563.295.670.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi ba tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng)

Căn cứ báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2020 số 863/CTYCPĐN.KH-KD ngày 15/10/2021. Vốn điều lệ: 563.295.670.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi ba tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng). Tăng 26.821.220.000 đồng so với vốn điều lệ ban đầu.

- Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Số điện thoại: 0296.3856100.

- Số fax: 0296.3857800.

- Website: <http://diennuocag.com.vn/>

- Mã cổ phiếu (nếu có): DNA

Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 12/1993, Ban quản lý và Phát triển Điện Nông thôn được thành lập trực thuộc Ủy ban Kế hoạch tỉnh An Giang có nhiệm vụ triển khai thi công đường dây cao thế 110KV đến Châu Đốc và đường dây 35KV về đến tất cả các huyện thị. Năm 1995, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang giao thêm nhiệm vụ phát triển nước sạch nông thôn và đổi tên gọi Ban Quản Lý và Phát triển Điện Nước Nông thôn An Giang.

Tháng 11/1996, chuyển thành Công ty Điện Nước An Giang với nhiệm vụ cung cấp điện nước phục vụ cho người dân theo Quyết định thành lập Công ty số 1570/QĐ.UBND ngày 18/11/1996 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang.

Theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 4/8/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Điện nước An Giang tiến hành cổ phần hóa.

Ngày 25/3/2011, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và chính thức hoạt động từ ngày 01/04/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 28/3/2011 và thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 11 năm 2021.

Năm 2016, Công ty đã thực hiện đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống điện; Kinh doanh, lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, pin mặt trời;... (lấy đúng theo Giấy đăng ký DN thay đổi lần thứ 7). Ngày 30/05/2022, Công ty nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp: Bổ sung mã ngành 7410- hoạt động Thiết kế chuyên dụng theo quy định của pháp luật hiện hành, bổ sung thêm nội dung “ Chi tiết: giám sát công tác lắp đặt đường dây và trạm biến áp “ đối với mã ngành 4321.

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu là ở tỉnh An Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Khối văn phòng Công ty và các đơn vị Xí nghiệp trực thuộc.

Ngày 15/02/2022, Công ty sáp nhập Ban Quản lý Kinh doanh dự án khu Biệt thự vườn Châu Đốc – Núi Sam trực thuộc Công ty vào Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công ty (tạm ngừng hoạt động kinh doanh dự án khu biệt thự vườn Châu Đốc – Núi Sam).

- Khối văn phòng Công ty: gồm 12 phòng, ban chức năng.

- Khối Xí nghiệp gồm 12 đơn vị:
 - + 10 Xí nghiệp Điện Nước huyện, thị, thành;
 - + Xí nghiệp Cấp nước Tp. Long Xuyên;
 - + Xí nghiệp Xây lắp Điện Nước.

3.2. Mô hình quản trị

Sơ đồ số 1: Mô hình quản trị



(Nguồn: CTCP Điện nước An Giang)

☛ Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:

▪ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra HĐQT và Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm.

▪ Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Theo điều lệ của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện

theo pháp luật của Công ty.

HDQT hiện nay gồm 07 thành viên:

1. Ông Lương Văn Bạ Chủ tịch HDQT
2. Ông Lê Việt Anh Thành viên, Tổng Giám đốc.
3. Ông Trương Văn Nghiệm Thành viên, Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 29/06/2022.

4. Ông Trần Thanh Hoàng Thành viên chuyên trách, miễn nhiệm kể từ ngày 29/06/2022.
5. Ông Lê Thành Bửu Thành viên chuyên trách.
6. Ông Lâm Thành Quang Thành viên chuyên trách.
7. Ông: Trần Nhất Trí Thành viên, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP. Long Xuyên.
8. Ông Nguyễn Tuấn Huy Thành viên kiêm Giám đốc XN Điện Nước huyện Thoại Sơn.

▪ **Ban kiểm soát:**

Do Đại Hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát hiện nay gồm 03 thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu - Trưởng ban
2. Ông Trần Lê Minh Hoan - Thành viên
3. Ông Châu Minh Tú - Thành viên

▪ **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch HDQT Công ty. Chủ tịch HDQT công ty có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và có thể giao cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc thay mặt mình quản lý, giải quyết hoặc thực hiện bất kỳ một công việc hoặc mảng công việc của Công ty.

▪ **Các phòng ban chuyên môn thuộc Công ty và các chi nhánh của công ty**

- Công ty bao gồm: 01 Văn phòng công ty và 12 XN trực thuộc.
- Văn phòng công ty: có 12 phòng, ban gồm:
 - + Phòng Kế hoạch – Kinh doanh
 - + Phòng Kế toán
 - + Phòng Kỹ thuật điện
 - + Phòng Kỹ thuật nước
 - + Phòng An toàn Điện Nước và Môi Trường
 - + BQL Dự án Đầu tư – Xây dựng
 - + BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Long Xuyên

- + Phòng Vật tư
- + Phòng Quản Lý Khách Hàng
- + Phòng Tổ chức - Lao động - Tiền lương
- + Phòng Chống Thất thoát - Thất thu Điện nước
- + Phòng Pháp Chế.
- Khối Xí nghiệp: bao gồm 12 XN trực thuộc:
 - + XN Cấp Nước Tp. Long Xuyên: kinh doanh trên địa bàn TP.Long Xuyên
 - + XN Điện Nước Tp.Châu Đốc: kinh doanh trên địa bàn TP.Châu Đốc
 - + XN Điện Nước Châu Phú: kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Phú
 - + XN Điện Nước huyện Chợ Mới: kinh doanh trên địa bàn huyện Chợ Mới
 - + XN Điện Nước huyện Phú Tân: kinh doanh trên địa bàn huyện Phú Tân
 - + XN Điện Nước huyện An Phú: kinh doanh địa bàn huyện An Phú
 - + XN Điện Nước Tịnh Biên: kinh doanh trên địa bàn huyện Tịnh Biên
 - + XN Điện Nước huyện Tri Tôn: kinh doanh trên địa bàn huyện Tri Tôn
 - + XN Điện Nước TX. Tân Châu: kinh doanh trên địa bàn TX. Tân Châu
 - + XN Điện Nước Châu Thành: kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Thành
 - + XN Điện Nước Thoại Sơn: kinh doanh trên địa bàn huyện Thoại Sơn
 - + XN Xây Lắp Điện Nước: xây lắp các công trình điện nước.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Không ngừng phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững Công ty và tối đa hoá lợi nhuận của cổ đông, nâng cao giá trị thương hiệu công ty, cải thiện đời sống, điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên cấp quản lý, nâng cao ý thức làm việc cũng như tay nghề của lực lượng người lao động.

+ Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo công ăn việc làm và chế độ phúc lợi cho người lao động.

+ Mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

+ Ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động của Công ty; là đòn bẩy tăng năng suất lao động.

5. Các rủi ro

Rủi ro kinh tế: Năm 2023, theo dự báo có nhiều khó khăn thách thức từ: Áp lực chuẩn bị tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh theo đề án của Bộ Công Thương đang dần hoàn thiện sẽ vận hành hoàn chỉnh sau năm 2024 (đang trong

giai đoạn 2 (2022- 2024)); Công ty phải khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch chung trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh; đảm bảo ổn định thị phần khai thác; Từ ngày 01/7/2023, Nhà nước sẽ điều chỉnh tăng tiền lương cơ sở cho người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đặt ra cho Công ty áp lực tăng tiền lương cho người lao động của Công ty; Tình hình trong nước và thế giới tiếp tục có nhiều biến động khó lường; tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp còn gặp khó khăn dẫn đến nhiều người lao động bị thiếu, mất việc làm, ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống. Do đó, xu hướng tiêu dùng tiết kiệm của người dân sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty do người dân sẽ chi tiêu tiết kiệm.

Bên cạnh đó, thời tiết diễn biến bất thường, tiêu cực là một nguyên nhân khách quan, bất lợi, gây nhiều khó khăn cho hoạt động SXKD của Công ty.

❖ Rủi ro luật pháp:

Việt Nam đang đẩy mạnh tiến trình hội nhập, điều này khiến môi trường kinh doanh của các Doanh nghiệp cũng thay đổi nhiều. Đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Điện nước An Giang nói riêng phải nhận thức được những thông tin pháp lý, chính sách thỏa thuận cam kết quốc tế cũng như những thay đổi dự kiến trong chính sách pháp luật quốc gia, để thích ứng kịp thời sự hội nhập, cạnh tranh, phát triển.

Pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng loạt các thay đổi về cơ chế, chính sách pháp luật kinh doanh trọng yếu vừa qua và sắp tới cũng đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình. Điển hình như Luật Doanh nghiệp; Luật Đầu tư; Luật Chứng Khoán; Luật Cung cấp nước (đang dự thảo); Chỉ thị của Chính phủ về quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch; thị trường bán lẻ điện cạnh tranh sắp hình thành;

Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của các hiệp hội... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến hoạt động của Công ty,... sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Để tồn tại và phát triển đòi hỏi Công ty phải tiếp tục tìm kiếm sáng tạo những định hướng mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới trong hoạt động kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Những chỉ tiêu đã đạt được:

ST T	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% tăng /giảm
1	Sản lượng điện tiêu thụ	kWh	780.116.677	820.680.849	+5.20
2	Tỷ lệ hao hụt điện	%	4.91	4.92	+0.20
3	Phát triển khách hàng điện	hộ	11.640	12.463	+7.07
4	Sản lượng nước tiêu thụ	m3	81.228.352	86.115.430	+6.02
5	Tỷ lệ hao hụt nước	%	19.31	18.02	-6.68
6	Phát triển khách hàng nước	hộ	21.323	16.616	-22.07

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

✦ Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Việt Anh	Tổng Giám đốc
2	Trần Nhất Trí	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
4	Trương Văn Nghiệm	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2022).
5	Trần Việt Hải	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022. Thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 01/09/2022).
6	Phạm Cao Trí	Giữ chức vụ Phụ trách phòng kế toán từ

		ngày 09/08/2022. Bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng ngày 07 tháng 01 năm 2023.
--	--	---

📌 Lý lịch thành viên Ban điều hành:

📌 LÊ VIỆT ANH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/5/1972
- CMND: 351012816; Ngày cấp: 17/06/1999; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: TT. An Châu, huyện Châu Thành, An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

Từ 1995 – 2000	Chuyên viên phòng Kinh doanh
Từ 2001 – 2003	Phó phòng Kinh doanh
Từ 2003 – 2004	Quyền Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 2004 – 10/2005	Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Châu Thành
Từ 11/2005 – 03/2011	Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân
Từ 04/2011-12/2012	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân
Từ 2013 - 8/2014	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Chợ Mới
Từ 8/2014 – 12/2020	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang.
Từ 12/2020- nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.968.904,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,82%% vốn điều

lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 27.432 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,049% vốn điều

lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 4. 941.472,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,77% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN NHẤT TRÍ

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 22/12/1970

- CMND: 352026491; Ngày cấp: 2/11/2006; Nơi cấp: CA. An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 9A Đề Thám, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

Từ 1994 – 2002	Chuyên viên phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 2003 – 2004	Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 2005 – 03/2011	Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 4/2011 – 2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Điện nước TP Châu Đốc
Từ 2014 – nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 4.955.246,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.80% vốn điều lệ.

- Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 13.774 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.024 % vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 4.941.472,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.77 % vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 1.735 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Vợ: Nguyễn Ngọc Bích, cổ phần sở hữu cá nhân: 1.735 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN THANH XUÂN

- Giới tính: Nam,

- Ngày sinh: 24/02/1967 ;

- CMND: 350724248 ; Ngày cấp 01/08/2019 ; Nơi cấp AG

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: số 1852 đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể)
1984-1986	- Nhân viên Văn thư, Trường phổ thông cơ sở B Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
1987-1989	- Nhân viên cung ứng, Công Ty xây dựng huyện Chợ Mới
1989-1990	- Nhân viên cung ứng Xí nghiệp Nhà lắp ghép Công Ty chăn nuôi An Giang
1991-1993	(Công Ty Xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm An Giang)
1993-1994	- Phụ trách Cửa hàng Phó Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp
1995-1997	- Phụ trách Quản đốc Phân xưởng chế biến nông sản
1998-2009	- Phụ trách Phó giám đốc Xí nghiệp xuất khẩu lương thực
02/2010-03/2011	- Phó Bí Thư Đảng ủy Công Ty, Giám đốc Xí nghiệp xuất khẩu lương thực
24/08/2015->27/12/2018	- Phó Bí Thư Đảng ủy, Phó giám đốc Công Ty XNK Nông sản thực phẩm An Giang
04/2011-06/2016	- Ban chấp hành Đảng bộ khối Doanh nghiệp, khóa VIII (nhiệm kỳ 2015-2020).
07/2016- 2/2021	- Phó Bí Thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Công Ty CP XNK Nông sản thực phẩm An Giang. - Bí thư đảng ủy, Tổng giám đốc Công Ty CP XNK Nông sản

23/07/2021-→ nay	<p>thực phẩm An Giang.</p> <p>- Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Điện Nước An Giang</p>
---------------------	---

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Cty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: : 4.941.472,7.cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.77% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: : 4.941.472,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.77 % vốn điều lệ
 - Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRƯƠNG VĂN NGHIỆM

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/05/1971
- CMND: 352240364; Ngày cấp: 13/11/2009; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 521E Võ Thị Sáu, P. Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán; .Thạc sĩ kinh tế - Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1996 – 1999	Chuyên viên phòng kế toán Công ty Điện Nước An Giang
1999 đến 2012	Phó phòng kế toán Công Ty ĐN An Giang
2012 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.947.259,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.78% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.787 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.01 % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: : 4.941.472,7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.77 % vốn

điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 2.315 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Vợ : Lê Ngọc Thuận, số cổ phần nắm giữ : 2.315 cp, chiếm tỉ lệ : 0,004 % vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

TRẦN VIỆT HẢI

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 22/06/1976

- CMND: 351208228.; Ngày cấp: 19/12/2020.; Nơi cấp: CA. An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 605 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, Long Xuyên, An Giang.

- Trình độ văn hóa: 12/12.....

- Trình độ chuyên môn: Đại Học Tài Chính Kế Toán.

Quá trình công tác:

Từ tháng 8/1997 đến 28/04/2011	Nhân viên kế toán
Từ 29/04/2011 đến 30/03/2022	Phó Phòng Kế Toán
Từ 01/04/2022 đến 01/09/2022	Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng (Thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 01/09/2022)

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

PHẠM CAO TRÍ

- Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 09/08/1973
 - CCCD: 089073021911; Ngày cấp: 22/03/2022.; Nơi cấp: Cục CSQLHCVTTXH
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: 579K/29, Bình Thới 2, Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang.
 - Trình độ văn hóa: 12/12.....
 - Trình độ chuyên môn: Đại Học Tài Chính Kế Toán.
- Quá trình công tác:

<i>Từ Tháng 2 năm 1995</i>	<i>Nhân viên kế toán</i>
<i>Từ ngày 03/04/2012 đến ngày 09/08/2022.</i>	<i>Phó Phòng Kế Toán</i>
<i>Từ 09/08/2022 đến 06/01/2023</i>	<i>Phụ Trách Phòng Kế Toán</i>
<i>Từ 07/01/2023 đến nay</i>	<i>Kế toán trưởng</i>

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 3.587 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 3.587 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Bổ nhiệm mới 01 phó Tổng Giám Đốc Trương Văn Nghiệm ngày 24/02/2022. Bổ nhiệm mới 01 kế toán trưởng Trần Việt Hải ngày 01/04/2022 nghỉ việc từ ngày 01/09/2022. Bổ nhiệm mới 01 phụ trách phòng kế toán Phạm Cao Trí từ ngày 09/08/2022 bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng từ ngày 07/01/2023.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Bảng số 1: Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động		
Đại học và trên đại học	302	21,23
Cao đẳng, Trung cấp	560	39,36
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	289	20,30
Tốt nghiệp phổ thông	272	19,11
Phân theo loại hợp đồng lao động		
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	3	0,21
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	1190	83,63
- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	230	16,16
Phân loại theo giới tính		
- Nam	1.118	78,57
- Nữ	305	21,43

☛ Chính sách lương thưởng:

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Xây dựng quỹ tiền lương theo đúng quy định của Nhà nước (xây dựng mức tiền lương theo năng suất lao động).

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất; phát động thi đua chuyên đề hàng năm cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật. Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm, cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Hoàn thành đưa vào vận hành HTCN An Phú, huyện Tịnh Biên (công suất 3.000 m³/ngày đêm); Xây dựng các công trình đường dây trung hạ thế để mở rộng địa bàn kinh doanh (với tổng giá trị # 12 tỉ đồng).

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 2: Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm/
Tổng giá trị tài sản	1.534.823.918.212	1.497.751.951.422	-2.42
Doanh thu thuần	1.923.782.893.830	2.054.009.591.962	+6.77
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	119.522.852.007	136.055.217.891	+13.83
Lợi nhuận khác	19.062.618.926	6.661.032.155	-65.06
Lợi nhuận trước thuế	138.585.470.933	142.716.250.046	+2.98
Lợi nhuận sau thuế	110.721.214.097	114.024.537.620	+2.98
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/vốn điều lệ	15%	15%	0%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 3: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2021	31/12/2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,24	1,28
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,07	1,13
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,41	44,62
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	86,62	80,57
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần	35,15	38,56
+ Vòng quay tổng tài sản	lần	1,28	1,35
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5,8	5,5
+ Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	6,21	6,62
+ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,46	13,75
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,2	7,6

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 56.329.567 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 56.040.161 cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 289.406 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 14/06/2022.

Bảng số 4: Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước			
1.1	Tổ chức:	8	50.410.011	89,49
	Cổ đông Nhà nước	1	49.414.727	87,72
	Cổ đông chiến lược	7	995.284	1,77
1.2	Cá nhân:	586	5.917.389	10,505
	Cổ đông ngoài	145	3.466.268	6,15
	Cổ đông trong Công ty	441	2.451.121	4,35
2	Cổ đông nước ngoài	01	2.176	0,0039
2.1	Tổ chức	01	2.176	0.0039
2.2	Cá nhân	00	0	
3	Cổ phiếu quỹ	00	0	
	Tổng Cộng	595	56.329.567	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nội dung	Số lượng số phần trước khi thay đổi	Số lượng số phần thay đổi trong kỳ	Số lượng số phần sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu:				
- Cổ đông Nhà nước	49.414.727	0	49.414.727	Không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Tên nguyên vật liệu chính	ĐVT	Lượng sử dụng
1	Phèn PAC	Kg	1.565.141
2	Clor (bột + lỏng)	Kg	315.129
3	Điện SX	kWh	39.674.741
4	Dầu DO (chạy MFD)	lít	26.000

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

+ Điện SX (điện lưới quốc gia): 39.674.741 kWh

+ Điện SX (quy đổi từ chạy MFD): 78.000 kWh

Tổng nguồn năng lượng tiêu thụ: 39.752.741 kWh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Điện SX từ nguồn Năng lượng mặt trời lắp đặt tại HTCN Tri Tôn (Công suất 20KWp, vận hành từ tháng 04/2018), HTCN Óc Eo, HTCN Nhà Bản, HTCN An Phú.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Chủ yếu khai thác nguồn nước mặt sông Tiền, sông Hậu và các kênh, rạch trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Tổng lượng nước khai thác: 103.169.613 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2019	2020	2021	2022
Lao động bình quân (người)	1.339	1.365	1.400	1.423
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8.200.000	8.442.000	9.431.000	10.040.000

(Nguồn: CTCP Điện nước An Giang)

a) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 2h00. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CB-CNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV

b) Hoạt động đào tạo người lao động

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập trình độ về ngoại ngữ và tin học.

Công ty cũng dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào

tạo và đào tạo lại tay nghề trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1.

a- Về Kết quả kinh doanh:

T T	NỘI DUNG	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022
1	Tổng doanh thu (đồng)	2.000.000.000.000	2.075.988.021.235
2	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	142.000.000.000	142.716.250.046
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ (%)	25,20	25,34

b- Về thực hiện các chỉ tiêu SX-KD:

T T	NỘI DUNG	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So kế hoạch 2022(%)	So cùng kỳ (%)
1	Sản lượng điện mua (kWh)	855.512.000	866.290.925	101,26	105,60
2	Sản lượng điện bán (kWh)	804.500.000	820.680.849	102,01	105,20
3	Hao hụt điện (%)	5,96	5,26	-0,70	0,36
4	Phát triển khách hàng điện (hộ)	7.000	12.463	178,04	107,07
5	Sản lượng nước sản xuất (m3)	103.702.000	105.042.999	101,95	104,34
6	Sản lượng nước tiêu thụ (m3)	84.000.000	86.115.430	102,52	106,19
7	Hao hụt nước (%)	19	18,02	-0,98	-1,43
8	Phát triển khách hàng nước (hộ)	9.800	16.616	169,55	77,93

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

-Trong năm 2022, các Xí nghiệp và các phòng, ban Công ty đã có sự nỗ lực

rất lớn, góp phần cùng Công ty cơ bản thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 giao. Đảm bảo quỹ tiền lương của người lao động được chi trả theo kế hoạch. Được thể hiện qua những kết quả như sau:

+ Doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách đều đạt vượt chỉ tiêu nghị quyết.

+ Công tác phát triển khách hàng điện, nước; Sản lượng điện bán; Sản lượng nước tiêu thụ; Tỷ lệ thất thoát điện nước đều thực hiện đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, tăng cao so với cùng kỳ năm 2021.

- Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành những chủ trương phù hợp với tình hình và điều kiện, khả năng Công ty, đáp ứng những yêu cầu thực tế trong việc đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; Sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt và kịp thời xử lý những vướng mắc, trở ngại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty;

- Công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của các Xí nghiệp ngày càng tiến bộ, linh hoạt, phát huy tốt các hệ thống điện nước theo hiện trạng sẵn có, đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng tăng của khách hàng; công tác vận động nhân dân, địa phương góp sức cùng Công ty đầu tư đường dây hạ thế, mạng ống cấp nước được các Xí nghiệp thực hiện tốt, góp phần tăng số hộ sử dụng điện nước và tăng sản lượng;

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: **Bảng số 5: Tình hình tài sản năm 2022**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Tài sản ngắn hạn	349.874.244.452	348.625.197.133
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.323.687.141	17.189.938.448
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	237.741.316.413	231.856.203.344
<i>Phải thu khách hàng</i>	199.673.192.687	201.013.810.893
<i>Trả trước cho người bán</i>	21.401.290.043	22.802.633.757
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	17.220.699.201	8.617.880.049
3. Hàng tồn kho	46.983.353.222	40.109.780.270
4. Tài sản ngắn hạn khác	17.985.887.676	14.629.275.071
Tài sản dài hạn	1.184.949.673.760	1.149.126.754.289
1. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2. Tài sản cố định	1.014.725.561.559	990.078.962.093
3. Tài sản dở dang dài hạn	39.520.613.632	28.030.270.029

4. Đầu tư tài chính dài hạn	5.584.040.000	4.584.040.000
5. Tài sản dài hạn khác	125.119.458.569	126.433.482.167

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả: **Bảng số 6: Tình hình công nợ**

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2021 (Đồng)	Năm 2022 (Đồng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	712.370.778.933	668.306.615.810
I. Nợ ngắn hạn	282.183.037.523	271.852.445.975
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.242.196.851	54.448.744.165
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	46.508.751.062	29.186.040.218
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	583.286.677	231.309.397
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	25.414.017.355	31.028.740.962
5. Phải trả người lao động	17.622.223.450	15.559.825.611
6. Chi phí phải trả	80.555.333.391	86.007.628.307
7. Phải trả ngắn hạn khác	46.328.452.995	43.189.730.658
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.928.775.742	12.200.426.657
II. Nợ dài hạn	430.187.741.410	396.454.169.835

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2022 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Tổng Giám đốc có các phòng, ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của Công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của Nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo quy định Nhà nước và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban Kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

+ Đa dạng hóa dịch vụ, sản phẩm. Trong đó, ưu tiên mở thêm những dịch vụ mới, kinh doanh những sản phẩm mà Công ty có lợi thế, có liên quan đến ngành nghề chính của Công ty góp phần tăng doanh thu, tăng lợi nhuận chung.

+ Tiếp tục củng cố, phát triển mở rộng hạ tầng điện nước; đảm bảo năng lực cung ứng điện nước trên thị phần thị trường của Công ty. Trong đó, ưu tiên phát

triển khu vực nông thôn vừa đảm bảo mục tiêu phát triển của Công ty vừa hoàn thành nhiệm vụ chính trị mà Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

+ Góp phần cùng tỉnh hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 ở 02 tiêu chí điện nước; phối hợp với các ngành tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ để hoàn thành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh. Cụ thể:

- Hệ thống điện nước đạt chuẩn chuyên ngành.

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 90\%$.

(Theo Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025).

Về đổi mới quản trị doanh nghiệp

Công ty vẫn duy trì mô hình quản trị từ sau Đại hội đồng cổ đông thành lập năm 2011 là: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc công ty.

Công ty thực hiện cơ cấu tổ chức và quản lý công ty cổ phần theo mô hình được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Thực hiện quản trị công ty theo Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/6/2021.

Thực hiện nghiêm cơ chế về trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước đầu tư tại Công ty theo quy định; đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp.

Đồng thời, duy trì phân công “Người phụ trách quản trị công ty theo quy định” để quan tâm thực hiện tốt vấn đề công khai minh bạch theo quy định đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

Sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn các phòng, ban công ty; giảm bớt đầu mối; không để chồng chéo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin và liên kết với các ngân hàng thương mại trong việc thực hiện chủ trương hạn chế thu tiền điện nước bằng hình thức tiền mặt. Từ đó, hạn chế thu tuyển lao động (nhân viên đi thu tiền tại nhà khách hàng), là cơ sở để tăng năng suất lao động trong toàn Công ty.

Trong quản trị doanh nghiệp, Công ty lấy sự tín nhiệm, hài lòng của khách hàng là thước đo chất lượng hiệu quả nhất đối với dịch vụ cung ứng điện nước của Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các phòng, ban Công ty xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.

Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực tới các phòng ban trong toàn hệ thống.

Giám sát việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 30 cuộc họp Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành 30 Nghị quyết/Quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ nghiêm chỉnh đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tiếp tục kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc Công ty phát huy hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại

hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Tiếp tục sắp xếp, bố trí tinh gọn bộ máy nhân sự, chọn lọc nhân sự có năng lực để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; nâng cao năng lực quản lý của bộ máy điều hành Công ty, tăng cường kiểm tra giám sát và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Lãnh đạo Công ty.

Có chương trình, kế hoạch cụ thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm chi phí sản xuất.

Đẩy mạnh công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và phong cách phục vụ chuyên nghiệp để tạo ấn tượng tốt đẹp về Công ty.

Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, chỉ đạo kịp thời, hiệu quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tiếp tục xây dựng tầm nhìn, kế hoạch chiến lược phát triển Công ty.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Điện nước An Giang có 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm (2021-2026). Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lương Văn Bạ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
2	Lê Việt Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	Tổng Giám đốc
3	Trần Thanh Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm kể từ ngày 29/06/2022.	Không điều hành
4	Trương Văn Nghiệm	Thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 29/06/2022.	Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Thành Bửu	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
6	Lâm Thành Quang	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành

7	Trần Nhất Trí	Thành viên Hội đồng quản trị	Phó Tổng Giám đốc
8	Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên Hội đồng quản trị	Giám đốc xí nghiệp

✦ Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

LUƠNG VĂN BẠ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1969
- CMND: 350860163; Ngày cấp: 09/6/2014; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 142/1 Thoại Ngọc Hầu, P. Mỹ Long, TP long Xuyên, tỉnh An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, cử nhân kinh tế chính trị

Quá trình công tác:

Từ 1995 – 1997	Phó phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang
Từ 1997 – 2004	Trưởng phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang
Từ 2004 – 2006	Giám đốc XN Điện nước huyện Chợ Mới - Cty Điện Nước An Giang
Từ 2007 – 3/2011	Phó Giám đốc Cty Điện Nước An Giang
Từ 3/2011-6/2016	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 6/2016-nay	Chủ tịch HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần nắm giữ: 29.673.724,2 cổ phần, chiếm tỷ lệ 52,68% vốn điều lệ.
- Trong đó:
- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 24.888 cổ phần, chiếm tỷ lệ .0,044 % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 29.648.836,2 cổ phần, chiếm tỷ lệ 52,63% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 154.077 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,27% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ: Trần Thị Thanh Tuyên, sở hữu cá nhân : 137.525 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,244% vốn điều lệ.

+ Chị ruột : Lương Thị Kim Hiên , sở hữu cá nhân : 10.187 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,018% vốn điều lệ.

+ Em ruột : Lương Thị Cẩm Bình , sở hữu cá nhân : 4.050 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,007% vốn điều lệ.

+ Em rể: Lê Thanh Út, sở hữu cá nhân : 2.315 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN THANH HOÀNG

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 13/02/1950

- CMND: 350002786; Ngày cấp: 21/09/2010; Nơi cấp: CA An Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 67 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị

Quá trình công tác:

Từ 1993 – 1996	Trưởng BQL Điện nước tỉnh An Giang
Từ 1997-3/2011	Giám đốc Cty Điện Nước An Giang
Từ 3/2011-nay	Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT (không điều hành)

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 119.697 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 119.697 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 49.082 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,087% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Con ruột : Trần Thị Thanh Phương ,cổ phần sở hữu cá nhân: 35.191 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,062% vốn điều lệ.

+ Con rể : Nguyễn Văn Nghiệp ,cổ phần sở hữu cá nhân: 13.891 cổ phần,

chiếm tỷ lệ 0,025% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÊ THÀNH BỬU

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/02/1960
- CMND: 350009449; Ngày cấp: 19/09/2008; Nơi cấp: CA An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khóm 4, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang;

- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- Quá trình công tác:

Từ 1984 – 1990	Phó phòng Kế hoạch Vật tư, Trưởng phòng Tài vụ Kinh doanh, Trưởng phòng TC-HC Công ty Nhà đất Công trình công cộng tỉnh An Giang
Từ 1990 – 1994	Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 1994 – 2001	Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 2001 – 03/2011	Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang
Từ 3/2011 – 10/2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên
Từ 11/2013- 06/2016	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 06/2016 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 01/03/2020.	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 15.396 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.027% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 15.396 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,027% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 59.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,105% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ: Bùi Thị Nguyệt, cổ phần sở hữu cá nhân: 53.713 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,095% vốn điều lệ.

+ Con dâu :Lê Thị Thoa, cổ phần sở hữu cá nhân: 5.787 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,010% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÂM THÀNH QUANG

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 10/10/1953

- CMND: 350002852; Ngày cấp: 21/12/2005; Nơi cấp: CA An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 5/2B Thủ Khoa Nghĩa, P.Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Từ 03/1973 – 30/4/1975	Tham gia phong trào HSSV và tham gia biệt động thành phố Long Xuyên và thị đội Long Xuyên
Từ 07/1975 – 12/1979	Công tác tại Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh An Giang
Từ 01/1980 – 4/1994	Văn phòng UBND tỉnh An Giang
Từ 4/1994 – 2011	Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 2001 – 03/2011	Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên
Từ 04/2011-10/2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 11/2013-nay	Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT (không điều hành)

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 4.630 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.630 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN TUẤN HUY

- Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 22/01/1972
 - CMND: 350974918; Ngày cấp: 11/10/2007; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: 257D/13 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Khánh 3, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang
 - Trình độ văn hóa: TNPT
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:

Từ 1994 – 2004	Phó phòng Kế hoạch – Vật tư Cty Điện Nước AG
Từ 2004 – 3/2011	Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang
Từ 4/2011-2012	Thành viên HĐQT, kiêm Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang
Từ 2012 – nay	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 7.639 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 7.639 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

▪ **Các thành viên khác đã nêu trong phần lý lịch Ban điều hành**

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : *Thư ký Hội đồng quản trị*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Bảng số 7: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2022

Stt.	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01	05/01/2022	Lấy ý kiến về dự thảo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022
2	Biên bản họp Hội đồng quản trị lần 1	12/01/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
3	Nghị quyết số 02	12/01/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
4	Biên bản họp Hội đồng quản trị lần 2	21/02/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
5	Nghị quyết số 03	21/02/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
6	Quyết định số 44	24/02/2022	V/v bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
7	Quyết định số 87	31/3/2022	V/v bổ nhiệm Kế Toán Trưởng
8	Biên bản họp Hội đồng quản trị lần 3	07/4/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
9	Nghị quyết số 04	07/4/2022	V/v Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022
10	Nghị quyết số 05	07/4/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
11	Nghị quyết số 06	25/4/2022	V/v chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
12	Nghị quyết số 06	10/5/2022	V/v Điều chỉnh dự án ĐT – HTCN Hội An – H. Chợ Mới
13	Biên bản họp Hội đồng quản trị lần 4	22/5/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
14	Nghị quyết số 07	24/5/2022	V/v Ngày đăng ký cuối cùng để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
15	Nghị quyết số 08	22/6/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
16	Quyết định số 03QĐ	29/6/2022	V/v miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
17	Quyết định số 04QĐ	29/6/2022	V/v bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
18	Biên bản họp Hội đồng quản trị lần 5	22/7/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên

19	Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT	22/7/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
20	Biên bản họp Hội đồng quản trị	09/08/2022	V/v xin từ nhiệm chức vụ kế toán trưởng và xin nghỉ việc
21	Nghị quyết số 10	09/08/2022	V/v xin từ nhiệm chức vụ kế toán trưởng và xin nghỉ việc
22	Biên bản họp Hội đồng quản trị số 6	28/9/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
23	Nghị quyết số 11	28/9/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
24	Nghị quyết số 19	10/10/2022	V/v điều động, luân chuyển cán bộ
25	Biên bản họp Hội đồng quản trị số 7	19/11/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
26	Nghị quyết số 14	19/11/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
27	Biên bản họp Hội đồng quản trị số 8	28/12/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
28	Nghị quyết số 15	28/12/2022	Họp Hội đồng quản trị thường niên
29	Biên bản họp Hội đồng quản trị	31/12/2022	V/v xử lý nợ khó thu khó đòi năm 2019 và trích lập dự phòng nợ khó đòi năm 2020
30	Nghị quyết số 16	31/12/2022	V/v xử lý nợ khó thu khó đòi năm 2019 và trích lập dự phòng nợ khó đòi năm 2020

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Lê Minh Hoan	Thành viên BKS

3	Châu Minh Tú.	Thành viên BKS
---	---------------	----------------

NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/12/1972
- CMND: 351501113; Ngày cấp: 17/02/2009; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 14 C4 Dương Khuê, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán doanh nghiệp, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

<i>Từ 1999 đến 2011</i>	<i>Nhân viên Công ty Điện Nước An Giang</i>
<i>2011 đến 20/06/2019</i>	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>
<i>Từ 21/06/2019 đến nay</i>	<i>Trưởng ban kiểm soát.</i>

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 %

vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN LÊ MINH HOAN

- Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 08/12/1976.
 - CMND: 092076003099; Ngày cấp: 09/08/2018; Nơi cấp: Cần Thơ.
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: Trung Kiên, Thốt Nốt, Cần Thơ.
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ĐKH-CCĐ
- Quá trình công tác:

Từ 2007 đến 28/6/2021.	Nhân viên Cty CP Điện Nước An Giang.
Từ 29/06/2021 đến nay.	Thành viên Ban kiểm soát.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ 0 % vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0...% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

CHÂU MINH TÚ

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 02/12/1983.
- CMND: .351615936.; Ngày cấp: 21/08/2015; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Khomer
- Địa chỉ thường trú: 596/15A Hà Hoàng Hồ - P.Đông Xuyên –TP. Long Xuyên- tỉnh An Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán.

Quá trình công tác:

Từ tháng 12/2002 đến 31/12/2003.	Công tác tại xí nghiệp Xây Lắp Điện Nước thuộc công ty Điện Nước An Giang. Công nhân KT nước.
Tháng 01/2004 đến tháng 03/2007.	Công tác tại xí nghiệp Xây Lắp Điện Nước thuộc công ty Điện Nước An Giang. Nhiệm vụ :kế toán xí nghiệp.
Tháng 04/2007 đến 20/06/2019	Công tác tại phòng kế toán công ty CP Điện Nước An Giang. Nhiệm vụ kế toán viên.
Từ 21/06/2019 đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2022, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD) năm 2022, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGD trong năm 2022;

- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 đối với HĐQT và BTGD;

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát:

Bảng số 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát

T T	Họ và Tên	Chức vụ	Thu nhập và Thù lao (HĐQT,BKS,BGD).T ừ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022
1	Lương Văn Bạ	CT. HĐQT	831.300.000

2	Lê Việt Anh	Tổng GD- TV. HĐQT	615.825.000
3	Trần Nhất Trí	Phó Tổng GD- TV. HĐQT	542.212.500
4	Nguyễn Thanh Xuân	Phó Tổng GD	349.687.500
5	Trương Văn Nghiệm	Phó Tổng GD	338.058.000
6	Trần Thanh Hoàng	TV . HĐQT	169.312.500
7	Lê Thành Bửu	TV . HĐQT	259.312.500
8	Lâm Thành Quang	TV . HĐQT	250.312.500
9	Nguyễn Tuấn Huy	TV . HĐQT	348.856.566
10	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Trưởng Ban kiểm soát	208.080.000
11	Trần Lê Minh Hoan	TV. Ban kiểm soát	104.593.733
12	Châu Minh Tú	TV. Ban kiểm soát	89.625.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Bảng số 9: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

T T	Tên người thực hiện giao dịch	Tên cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua bán, chuyển
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	

							đôi, thường, ...)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng quản trị Công ty luôn hoạt động đúng theo quy định của điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên 2022, bám sát định hướng, chiến lược và tình hình thực tế để đưa ra các quyết sách, quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất của Công ty.

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tình hình nộp ngân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện đúng theo quy định;

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bao gồm: **Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (theo phương pháp gián tiếp); **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố thông tin Báo cáo tài chính: <http://diennuocag.com.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



lvb

Lương Văn Bạ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 37
8. Phụ lục 01	38
9. Phụ lục 02	39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty Điện nước An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600249791, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 3 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 01 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : (0296) 3.856.100
- Fax : (0296) 3.857.800

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Xí nghiệp Điện nước huyện Tịnh Biên

Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Thành

Xí nghiệp Điện nước huyện Phú Tân

Xí nghiệp Điện nước thị xã Tân Châu

Xí nghiệp Điện nước huyện An Phú

Xí nghiệp Điện nước huyện Thoại Sơn

Xí nghiệp Điện nước TP. Châu Đốc

Xí nghiệp Điện nước huyện Tri Tôn

Xí nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên

Xí nghiệp Điện nước huyện Chợ Mới

Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Phú

Xí nghiệp Xây lắp Điện nước

Địa chỉ

Khóm Hòa Hưng – thị trấn Nhà Bàng – huyện Tịnh Biên – tỉnh An Giang

Quốc lộ 91 – thị trấn An Châu – huyện Châu Thành – tỉnh An Giang

Ấp Thượng 3 – thị trấn Phú Mỹ – huyện Phú Tân – tỉnh An Giang

Khóm Long Hưng – thị xã Tân Châu – tỉnh An Giang

Ấp 4 – thị trấn An Phú – huyện An Phú – tỉnh An Giang

Ấp Bắc Sơn – thị trấn Núi Sập – huyện Thoại Sơn – tỉnh An Giang

01 Quang Trung – phường Châu Phú A – TP. Châu Đốc – tỉnh An Giang

Ấp Tô Thủy – xã Núi Tô – huyện Tri Tôn – tỉnh An Giang

31/1 Trần Hưng Đạo – phường Mỹ Xuyên – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang

Ấp Long Hòa – thị trấn Chợ Mới – huyện Chợ Mới – tỉnh An Giang

Ấp Vĩnh Phú – xã Vĩnh Thạnh Trung – huyện Châu Phú – tỉnh An Giang

Quốc lộ 91 – phường Bình Đức – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phân phối, truyền tải điện;
- Kinh doanh khách sạn;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình giao thông;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Sản xuất phân phối nước sạch; khai thác và sản xuất nước khoáng;
- Mua bán vật tư, thiết bị điện, nước;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán nông sản; mua bán lương thực;
- Bán buôn thực phẩm;
- Chế biến thủy sản;
- Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng đường dây điện; xây dựng trạm bơm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lắp đặt đường dây trung thế từ 15 – 35 KV và đường dây hạ thế, trạm biến áp từ 15 – 3.000 KVA; lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp; lắp đặt điện trong nhà; Giám sát công tác lắp đặt đường dây và trạm biến áp;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng khách sạn; đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí; kinh doanh các khu vui chơi giải trí; đầu tư xây dựng nhà hàng ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lương Văn Bạ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Thành Bửu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Thanh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2022
Ông Lâm Thành Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Nhật Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trương Văn Nghiệm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Châu Minh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Lê Minh Hoan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Việt Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Nhật Trí	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2021
Ông Trương Văn Nghiệm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lương Văn Bạ - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lương Văn Bạ
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 02 năm 2023

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Hà Nội City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



A & C

www.a-c.com.vn

Số: 4.0063/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2023, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh

Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Phạm Thị Tố Như

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 3574-2021-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		348.625.197.133	349.874.244.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.189.938.448	3.323.687.141
1. Tiền	111		17.189.938.448	3.323.687.141
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.840.000.000	43.840.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	44.840.000.000	43.840.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		231.856.203.344	237.741.316.413
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	201.013.810.893	199.673.192.687
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22.802.633.757	21.401.290.043
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.617.880.049	17.220.699.201
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(578.121.355)	(553.865.518)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		40.109.780.270	46.983.353.222
1. Hàng tồn kho	141	V.7	40.109.780.270	46.983.353.222
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.629.275.071	17.985.887.676
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	14.629.275.071	17.985.887.676
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.149.126.754.289	1.184.949.673.760
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		990.078.962.093	1.014.725.561.559
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	972.773.077.782	997.757.761.676
- Nguyên giá	222		1.975.680.141.482	1.902.722.044.304
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.002.907.063.700)	(904.964.282.628)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	17.305.884.311	16.967.799.883
- Nguyên giá	228		18.434.626.827	17.984.626.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.128.742.516)	(1.016.826.944)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.030.270.029	39.520.613.632
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	28.030.270.029	39.520.613.632
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.584.040.000	5.584.040.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	84.040.000	84.040.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	4.500.000.000	5.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		126.433.482.167	125.119.458.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	126.433.482.167	125.119.458.569
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.497.751.951.422	1.534.823.918.212

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		668.306.615.810	712.370.778.933
I. Nợ ngắn hạn	310		271.852.445.975	282.183.037.523
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29.186.040.218	46.508.751.062
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	231.309.397	583.286.677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	31.028.740.962	25.414.017.355
4. Phải trả người lao động	314	V.15	15.559.825.611	17.622.223.450
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	86.007.628.307	80.555.333.391
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	43.189.730.658	46.328.452.995
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	54.448.744.165	51.242.196.851
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	12.200.426.657	13.928.775.742
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		396.454.169.835	430.187.741.410
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	137.269.210.898	135.305.667.898
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	247.911.387.373	284.327.570.970
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	11.073.571.564	10.154.502.542
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.21	200.000.000	400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		829.445.335.612	822.453.139.279
I. Vốn chủ sở hữu	410		829.445.335.612	822.453.139.279
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	563.295.670.000	563.295.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		563.295.670.000	563.295.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	103.086.584.818	96.307.089.232
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	124.374.397.648	124.800.552.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.306.202.147	124.800.552.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		84.068.195.501	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.22a	38.688.683.146	38.049.827.400
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.497.751.951.422	1.534.823.918.212

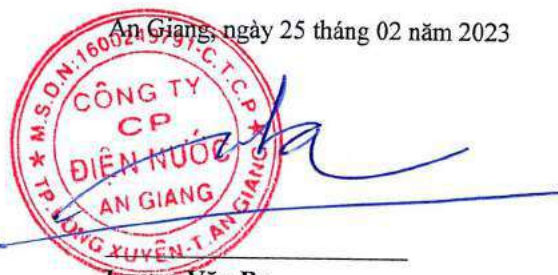
An Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2023



Dương Quốc Quân
Người lập



Phạm Cao Trí
Kế toán trưởng



Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.054.009.591.962	1.923.782.893.830
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.054.009.591.962	1.923.782.893.830
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.679.137.831.764	1.576.146.979.806
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		374.871.760.198	347.635.914.024
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.835.441.948	5.345.037.236
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.116.028.286	22.188.173.406
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.116.028.286	22.188.173.406
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	147.207.009.486	142.214.291.090
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	69.328.946.483	69.055.634.757
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		136.055.217.891	119.522.852.007
11. Thu nhập khác	31	VI.7	19.142.987.325	32.003.042.069
12. Chi phí khác	32	VI.8	12.481.955.170	12.940.423.143
13. Lợi nhuận khác	40		6.661.032.155	19.062.618.926
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		142.716.250.046	138.585.470.933
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	27.772.643.404	26.837.879.544
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	919.069.022	1.026.377.292
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>114.024.537.620</u>	<u>110.721.214.097</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	<u>1.613</u>	<u>1.602</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	<u>1.613</u>	<u>1.602</u>



An Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Dương Quốc Quân
Người lập

Phạm Cao Tri
Kế toán trưởng

Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		142.716.250.046	138.585.470.933
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	98.361.916.324	94.427.115.807
- Các khoản dự phòng	03	V.6	495.048.997	553.865.518
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.734.530.067)	(5.313.997.762)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	25.116.028.286	22.188.173.406
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(200.000.000)	(200.000.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		263.754.713.586	250.240.627.902
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.378.251.469	(54.322.725.991)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.511.474.872	(2.370.561.721)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(30.158.936.501)	56.807.812.787
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.042.589.007	(23.688.910.142)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(26.845.280.604)	(24.023.032.564)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(5.840.541.066)	(29.053.111.888)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(24.905.195.618)	(30.861.139.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		190.937.075.145	142.728.959.154
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.11	(62.862.875.175)	(152.633.175.004)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(1.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	2.746.342.670	3.986.246.801
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60.116.532.505)	(150.146.928.203)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a,b	76.457.812.370	93.452.608.476
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(109.667.448.653)	(100.107.031.862)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22d	(83.744.655.050)	(53.496.283.850)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(116.954.291.333)</i>	<i>(60.150.707.236)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		13.866.251.307	(67.568.676.285)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.323.687.141	70.892.363.426
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	17.189.938.448	3.323.687.141

An Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2023




Dương Quốc Quân
Người lập



Phạm Cao Trí
Kế toán trưởng




Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Phân phối, truyền tải điện; Sản xuất phân phối nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Điện nước huyện Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng – thị trấn Nhà Bàng – huyện Tịnh Biên – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Thành	Quốc lộ 91 – thị trấn An Châu – huyện Châu Thành – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Phú Tân	Ấp Thượng 3 – thị trấn Phú Mỹ – huyện Phú Tân – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước thị xã Tân Châu	Khóm Long Hưng – thị xã Tân Châu – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện An Phú	Ấp 4 – thị trấn An Phú – huyện An Phú – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Thoại Sơn	Ấp Bắc Sơn – thị trấn Núi Sập – huyện Thoại Sơn – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước TP. Châu Đốc	01 Quang Trung – phường Châu Phú A – TP. Châu Đốc – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Tri Tôn	Ấp Tô Thủy – xã Núi Tô – huyện Tri Tôn – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên	31/1 Trần Hưng Đạo – phường Mỹ Xuyên – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Chợ Mới	Ấp Long Hòa – thị trấn Chợ Mới – huyện Chợ Mới – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Phú	Ấp Vĩnh Phú – xã Vĩnh Thạnh Trung – huyện Châu Phú – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Xây lắp Điện nước	Quốc lộ 91 – phường Bình Đức – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.387 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.417 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 9 tháng đến dưới 12 tháng.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế, chi phí cải tạo sửa chữa lớn và chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế

Chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 03 năm.

Chi phí cải tạo sửa chữa lớn

Chi phí cải tạo sửa chữa lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê

Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với số năm thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.738.993	14.125.698
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.187.199.455	3.309.561.443
Cộng	17.189.938.448	3.323.687.141

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	43.840.000.000	43.840.000.000	43.840.000.000	43.840.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng (*)	43.840.000.000	43.840.000.000	43.840.000.000	43.840.000.000
Dài hạn	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Trái phiếu có kỳ hạn 10 năm (**)	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Cộng	49.340.000.000	49.340.000.000	49.340.000.000	49.340.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Trong đó một số khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang với số tiền là 38.000.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.18a).

(**) Trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường ⁽ⁱ⁾	84.040.000	-	84.040.000	-
Cộng	84.040.000	-	84.040.000	-

⁽ⁱ⁾ Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường 10.000 cổ phiếu, tương đương 0,08% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác		
Phải thu tiền điện	125.159.464.395	128.279.968.971
Phải thu tiền nước	48.496.935.342	47.064.004.264
Phải thu khác	27.357.411.156	24.329.219.452
Cộng	201.013.810.893	199.673.192.687

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác		
Ông Lê Trung Liệt	-	2.200.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước (Waseco)	2.970.233.645	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Điện nước Trường Thịnh	167.405.029	170.450.896
Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Lợi	961.764.000	436.748.019
Các nhà cung cấp khác	18.703.231.083	18.593.591.128
Cộng	22.802.633.757	21.401.290.043

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Kho bạc Nhà nước An Giang - Chi phí quản lý dự án	117.356.000	-	235.667.126	-
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm	2.445.058.632	-	2.456.871.235	-
Phải thu người lao động - tiền thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	781.989.215	-	820.061.430	-
Tạm ứng	2.673.600.704	-	3.453.840.194	-
Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc - Phải thu tiền hỗ trợ di dời nhà máy nước Châu Đốc	-	-	8.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	2.599.875.498	-	2.254.259.216	-
Cộng	8.617.880.049	-	17.220.699.201	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 01 năm	578.121.355	-	Trên 01 năm	553.865.518	-
Cộng		578.121.355	-		553.865.518	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	553.865.518	-
Trích lập dự phòng bổ sung	495.048.997	553.865.518
Xử lý xóa nợ	(470.793.160)	-
Số cuối năm	578.121.355	553.865.518

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.995.711.340	-	4.595.121.049	-
Công cụ, dụng cụ	345.789.348	-	406.867.910	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	312.727.954	-	704.238.410	-
Hàng hóa	29.979.430.781	-	36.193.825.115	-
Hàng gửi đi bán	4.476.120.847	-	5.083.300.738	-
Cộng	40.109.780.270	-	46.983.353.222	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.035.553.861	1.165.679.541
Chi phí vật tư sửa chữa thay thế	12.593.721.210	16.771.938.382
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	48.269.753
Cộng	<u>14.629.275.071</u>	<u>17.985.887.676</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lắp đặt điện kế	44.146.503.724	44.997.548.349
Chi phí lắp đặt thủy kế	51.593.566.426	56.148.863.618
Chi phí cải tạo sửa chữa lớn	10.383.771.999	8.599.561.931
Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê	18.398.155.895	14.543.814.263
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.911.484.123	829.670.408
Cộng	<u>126.433.482.167</u>	<u>125.119.458.569</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	275.594.476.981	1.619.775.122.183	2.311.058.068	5.041.387.072	1.902.722.044.304
Mua trong năm	-	49.037.684.210	-	177.260.000	49.214.944.210
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	24.688.274.568	-	-	24.688.274.568
Giảm do kết chuyển sang hàng hóa	-	(945.121.600)	-	-	(945.121.600)
Số cuối năm	<u>275.594.476.981</u>	<u>1.692.555.959.361</u>	<u>2.311.058.068</u>	<u>5.218.647.072</u>	<u>1.975.680.141.482</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.006.390.893	326.240.224.713	1.493.521.338	1.996.386.163	353.736.523.107
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	111.029.072.425	789.939.538.008	1.718.395.077	2.277.277.118	904.964.282.628
Khấu hao trong năm	11.574.140.401	86.338.911.501	105.085.560	231.863.290	98.250.000.752
Giảm do kết chuyển sang hàng hóa	-	(307.219.680)	-	-	(307.219.680)
Số cuối năm	<u>122.603.212.826</u>	<u>875.971.229.829</u>	<u>1.823.480.637</u>	<u>2.509.140.408</u>	<u>1.002.907.063.700</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	164.565.404.556	829.835.584.175	592.662.991	2.764.109.954	997.757.761.676
Số cuối năm	<u>152.991.264.155</u>	<u>816.584.729.532</u>	<u>487.577.431</u>	<u>2.709.506.664</u>	<u>972.773.077.782</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 208.876.933.758 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18b).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.638.654.100	1.345.972.727	17.984.626.827
Mua trong năm		450.000.000	450.000.000
Số cuối năm	16.638.654.100	1.795.972.727	18.434.626.827
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.018.700.000	1.018.700.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.016.826.944	1.016.826.944
Khấu hao trong năm	-	111.915.572	111.915.572
Số cuối năm	-	1.128.742.516	1.128.742.516
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.638.654.100	329.145.783	16.967.799.883
Số cuối năm	16.638.654.100	667.230.211	17.305.884.311

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình hệ thống cấp nước xã An Phú, huyện Tịnh Biên	12.139.908.677	-	(12.139.908.677)	-
- Công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên	8.450.950.171	-	-	8.450.950.171
- Công trình lắp đặt, cấy mới các trạm biến áp	2.572.338.311	1.213.497.300	(1.616.472.670)	2.169.362.941
- Các công trình khác	16.357.416.473	11.984.433.665	(10.931.893.221)	17.409.956.917
Cộng	39.520.613.632	13.197.930.965	(24.688.274.568)	28.030.270.029

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước (Waseco)	-	7.537.917.776
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Trương Nguyệt	3.265.870.000	2.910.885.200
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Đạt	3.487.659.250	2.165.313.500
Các nhà cung cấp khác	22.432.510.968	33.894.634.586
Cộng	29.186.040.218	46.508.751.062

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Ông Lo Vinh Huy	-	202.959.000
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	-	114.000.000
Ông Phạm Minh Hiền	-	116.044.000
Ông Đỗ Minh Trí	-	80.000.000
Ông Hàng Thanh Nhân	-	50.000.000
Bà Lê Thi Kim Tuyền	91.000.000	-
Bà Lương Thị Cẩm Bình	106.000.520	-
Các khách hàng khác	34.308.877	20.283.677
Cộng	<u>231.309.397</u>	<u>583.286.677</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước bán cho Khu công nghiệp của huyện Châu Thành	0%
- Nước sinh hoạt	5%
- Lắp đặt, cải tạo điện kế, bán vật tư điện, ...	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	142.716.250.046	138.585.470.933
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	51.534.824.797	46.396.439.498
- Các khoản điều chỉnh giảm	(55.367.857.825)	(50.772.512.713)
Thu nhập chịu thuế	138.883.217.018	134.209.397.718
Thu nhập được miễn thuế	(20.000.000)	(20.000.000)
Thu nhập tính thuế	138.863.217.018	134.189.397.718
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>27.772.643.404</u>	<u>26.837.879.544</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với giá tính thuế như sau:

- Nước mặt: 4.000 VND/m³ và 5.500 VND/m³ với thuế suất 1%;
- Nước dưới đất: 5.500 VND/m³ với thuế suất là 5%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/m²/năm)</u>
- Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang	113	93.800
- 80/5 Bùi Văn Danh, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	373,6	159.117
- Xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang	226,7	1.654
- Xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	226,7	1.216

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay phải trả	728.327.342	760.794.032
Chi phí tiền điện phải trả	85.279.300.965	79.794.539.359
Cộng	86.007.628.307	80.555.333.391

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	155.300.820
Kinh phí công đoàn	615.887.061	1.132.848.220
Lãi vay phải trả	4.241.965.085	5.938.750.713
Cổ tức phải trả	1.029.212.250	279.516.800
Lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước ⁽ⁱ⁾	8.966.000.000	8.966.000.000
Phải trả về tiền bán cổ phần vốn Nhà nước	-	408.102.582

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Vận hành Xử lý Nước thải Việt Nam - Phải trả phí vận hành công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên	10.465.596.044	5.757.581.500
Sở Tài chính tỉnh An Giang - Phải trả tiền thu phí dịch vụ thoát nước	7.962.615.427	3.122.450.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.908.454.791	20.567.901.460
Cộng	<u>43.189.730.658</u>	<u>46.328.452.995</u>

- (i) Khoản tiền lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước theo Công văn số 1196/STC-TCDN ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Sở Tài chính tỉnh An Giang “V/v chậm nộp tiền cổ tức phần vốn Nhà nước đầu tư tại Doanh nghiệp”.

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải trả Ngân sách Nhà nước (*)	137.269.210.898	135.305.667.898
Cộng	<u>137.269.210.898</u>	<u>135.305.667.898</u>

- (*) Trong đó, phải trả vốn Nhà nước cấp sau cổ phần hóa theo Công văn số 2283/UBND-KTTH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang “V/v xử lý phần vốn Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Điện nước An Giang sau cổ phần hóa” là 127.180.292.365 VND.

18. Vay**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.211.894.356	8.608.164.840
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	29.211.894.356	8.608.164.840
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.18b)	25.236.849.809	42.634.032.011
Cộng	<u>54.448.744.165</u>	<u>51.242.196.851</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 mỗi tháng, với hạn mức 35.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh V.2a).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.608.164.840	37.656.175.818	-	(17.052.446.302)	29.211.894.356
Vay dài hạn đến hạn trả	42.634.032.011	-	75.217.820.149	(92.615.002.351)	25.236.849.809
Cộng	51.242.196.851	37.656.175.818	75.217.820.149	(109.667.448.653)	54.448.744.165

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác		
Vay dài hạn ngân hàng	247.911.387.373	284.327.570.970
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	217.387.862.116	239.599.213.545
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn vay từ ADB ⁽ⁱⁱ⁾	10.381.248.257	17.302.080.425
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn vay từ AFD ⁽ⁱⁱⁱ⁾	20.142.277.000	27.426.277.000
Cộng	247.911.387.373	284.327.570.970

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của các Dự án với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn từ 48 tháng đến 72 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản (xem thuyết minh V.9) và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay vốn từ ADB thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: Nhà máy nước Long Xuyên với lãi suất ở mức 5%/năm tính trên số dư nợ thực tế (đã bao gồm cả phí cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn 25 năm (từ năm 2000 đến năm 2025). Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay vốn từ AFD thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: “Hệ thống cấp nước thị trấn An Phú” với lãi suất trong hạn ở mức 0,3%/năm, lãi suất quá hạn ở mức 7,5%/năm, thời hạn vay là 180 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất của dự án Hệ thống cấp nước thị trấn An Phú.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	25.236.849.809	42.634.032.011
Trên 01 năm đến 05 năm	219.677.061.065	223.923.570.970
Trên 05 năm	28.234.326.308	60.404.000.000
Cộng	273.148.237.182	326.961.602.981

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	284.327.570.970
Số tiền vay phát sinh	38.801.636.552
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(75.217.820.149)
Số cuối năm	247.911.387.373

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Điều chuyển quỹ phúc lợi sang quỹ khen thưởng	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	11.720.107.268	18.143.584.426	1.300.000.000	(20.489.200.334)	-	10.674.491.360
Quỹ phúc lợi	1.865.439.674	4.535.896.107	(1.300.000.000)	(3.897.042.784)	-	1.204.292.997
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	343.228.800	500.000.000	-	(518.952.500)	(2.634.000)	321.642.300
Cộng	13.928.775.742	23.179.480.533	-	(24.905.195.618)	(2.634.000)	12.200.426.657

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.154.502.542	9.128.125.250
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	919.069.022	1.026.377.292
Số cuối năm	11.073.571.564	10.154.502.542

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	400.000.000	600.000.000
Hoàn nhập quỹ trong năm	(200.000.000)	(200.000.000)
Số cuối năm	200.000.000	400.000.000

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	494.147.270.000	494.147.270.000
Các cổ đông khác	69.148.400.000	69.148.400.000
Cộng	<u>563.295.670.000</u>	<u>563.295.670.000</u>

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.329.567	56.329.567
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu phổ thông	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu phổ thông	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 02NQ/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số tạm phân phối trong năm trước</u>	<u>Số phân phối trong năm nay</u>
• Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông (15%/Vốn điều lệ)	84.494.350.500	-	84.494.350.500
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (18,06% lợi nhuận sau thuế)	20.000.000.000	20.000.000.000	-
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5,2% lợi nhuận sau thuế)	5.759.000.000	5.000.000.000	759.000.000
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	467.366.000	470.000.000	(2.634.000)

Ngoài ra, theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 02NQ/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 22.679.480.533
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 6.020.495.586
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Và trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi cổ tức	83.744.655.050	53.496.283.850

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Phải thu khách hàng tiền điện, nước	470.793.160	-	Không khả năng thu hồi
Cộng	470.793.160	-	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh điện	1.572.019.578.534	1.465.583.930.808
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	468.889.582.694	424.327.665.142
Doanh thu bán vật tư	10.102.298.403	9.732.313.502
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	21.387.792.021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.998.132.331	2.751.192.357
Cộng	2.054.009.591.962	1.923.782.893.830

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh điện	1.300.318.598.579	1.197.799.678.346
Giá vốn nước sinh hoạt đã cung cấp	372.078.829.789	363.310.997.242
Giá vốn vật tư đã bán	5.885.085.977	6.124.230.471
Giá vốn của bất động sản đã bán	-	8.583.278.627
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	855.317.419	328.795.120
Cộng	1.679.137.831.764	1.576.146.979.806

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.354.155.067	5.012.497.762
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	100.911.881	31.039.474
Lãi đầu tư trái phiếu	360.375.000	281.500.000
Cổ tức được chia	20.000.000	20.000.000
Cộng	2.835.441.948	5.345.037.236

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay Ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	87.536.985.145	86.281.230.789
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	28.909.026.081	26.268.049.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.733.434.992	20.330.277.198
Các chi phí khác	10.027.563.268	9.334.733.199
Cộng	<u>147.207.009.486</u>	<u>142.214.291.090</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	25.075.852.978	23.761.849.142
Chi phí vật liệu quản lý	19.885.399.576	22.168.628.428
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.402.820.466	4.501.003.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	800.908.427	785.184.042
Thuế, phí và lệ phí	15.000.000	15.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	495.048.997	553.865.518
Các chi phí khác	19.653.916.039	17.270.104.125
Cộng	<u>69.328.946.483</u>	<u>69.055.634.757</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ cho thuê trụ	2.318.926.800	2.003.919.600
Phí Bảo vệ môi trường giữ lại 5%	513.839.081	465.665.035
Phí dịch vụ thoát nước giữ lại 5%	1.810.924.807	1.478.529.691
Thu nhập từ thu hồi hàng hóa hư hỏng	1.419.977.876	505.476.825
Thu nhập từ bồi thường di dời tài sản	4.272.032.729	8.108.898.999
Thu nhập từ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên	7.960.974.000	13.700.528.384
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	200.000.000	200.000.000
Thu nhập khác	646.312.032	5.540.023.535
Cộng	<u>19.142.987.325</u>	<u>32.003.042.069</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bồi thường, hỗ trợ di dời tài sản	3.081.088.663	68.418.406
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp	113.963.094	51.022.695
Phạt vi phạm hành chính	50.000.000	-
Chi phí khấu hao năm trước	189.686.073	-
Thuế giá trị gia tăng của phí bảo vệ môi trường và phí dịch vụ thoát nước giữ lại 5%	384.736.423	-
Chi phí quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và	7.611.118.037	12.363.199.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
xử lý nước thải TP. Long Xuyên		
Chi phí khác	1.051.362.880	457.782.542
Cộng	<u>12.481.955.170</u>	<u>12.940.423.143</u>
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	919.069.022	1.026.377.292
Cộng	<u>919.069.022</u>	<u>1.026.377.292</u>
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	114.024.537.620	110.721.214.097
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(22.679.480.533)	(20.000.000.000)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành ^(*)	(500.000.000)	(470.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	90.845.057.087	90.251.214.097
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	56.329.567	56.329.567
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.613</u>	<u>1.602</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	56.329.567	53.647.445
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	2.682.122
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>56.329.567</u>	<u>56.329.567</u>
^(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành năm nay được tạm tính theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 02NQ/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022.		
10b. Thông tin khác		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.		
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.927.737.148	210.430.173.715
Chi phí nhân công	194.170.229.753	190.430.790.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.361.916.324	94.427.115.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.252.660.476	42.637.620.840
Chi phí khác	35.902.242.057	36.655.222.439
Cộng	<u>588.614.785.758</u>	<u>574.580.923.089</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Lương Văn Bạ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	831.300.000	919.363.236
Ông Lê Việt Anh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	615.825.000	674.704.544
Ông Trần Nhất Trí - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	542.212.500	612.877.026
Ông Lê Thành Bửu - Thành viên Hội đồng quản trị	259.312.500	374.860.146
Ông Trần Thanh Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị	169.312.500	344.720.000
Ông Lâm Thành Quang - Thành viên Hội đồng quản trị	250.312.500	297.040.000
Ông Nguyễn Tuấn Huy - Thành viên Hội đồng quản trị	348.856.566	351.779.895
Ông Nguyễn Thanh Xuân - Phó Tổng Giám đốc	349.687.500	130.000.000
Ông Trương Văn Nghiệm - Phó Tổng Giám đốc	338.058.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu - Trưởng Ban kiểm soát	208.080.000	223.980.004
Ông Châu Minh Tú - Thành viên Ban kiểm soát	89.625.000	94.643.600
Ông Trần Lê Minh Hoan - Thành viên Ban kiểm soát	104.593.733	42.836.400
Ông Đặng Chánh Nghĩa - Thành viên Ban kiểm soát	-	128.904.000
Cộng	<u>4.107.175.799</u>	<u>4.195.708.851</u>

1a. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là cổ đông nắm giữ 87,72% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chỉ phát sinh giao dịch về chia cổ tức với Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang với số tiền là 74.122.090.500 VND (năm trước là 70.592.465.000 VND).

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện, cung cấp nước sinh hoạt. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


An Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2023



Dương Quốc Quân
Người lập



Phạm Cao Trí
Kế toán trưởng



Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới I, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Tăng/Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	102.077.088	-	25.182.295.805	(23.524.619.488)	-	1.759.753.405	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.322.622.665	-	27.772.643.404	(5.840.541.066)	1.517.918.401 (*)	27.772.643.404	-
Thuế thu nhập cá nhân	38.695.362	-	687.497.050	(700.721.101)	-	25.471.311	-
Thuế tài nguyên	1.085.196.057	-	4.571.175.605	(5.281.795.427)	-	374.576.235	-
Thuế nhà đất	-	-	154.843.742	(154.843.742)	-	-	-
Tiền thuế đất	342.044.906	-	277.161.884	(597.997.948)	(21.208.842) (**)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.523.381.277	-	10.521.412.128	(28.948.496.798)	-	1.096.296.607	-
Cộng	25.414.017.355	-	69.167.029.618	(65.049.015.570)	1.496.709.559	31.028.740.962	-

(*) Hoàn thuế theo Quyết định số 2079/QĐ-CTAGI ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Cục thuế tỉnh An Giang.

(**) Giảm tiền thuế đất năm 2021 theo Quyết định số 37/QĐ-CT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Cục thuế tỉnh An Giang.

An Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2023




Dương Quốc Quân
Người lập



Phạm Cao Trí
Kế toán trưởng




Dương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	536.474.450.000	91.307.089.232	120.018.003.550	46.089.643.987	793.889.186.769
Tăng trong năm trước	-	-	-	13.330.957.133	13.330.957.133
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	26.821.220.000	-	(26.821.220.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	110.721.214.097	-	110.721.214.097
Trích lập các quỹ	-	5.000.000.000	(25.470.000.000)	-	(20.470.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(53.647.445.000)	-	(53.647.445.000)
Giảm trong năm trước	-	-	-	(21.370.773.720)	(21.370.773.720)
Số dư cuối năm trước	563.295.670.000	96.307.089.232	124.800.552.647	38.049.827.400	822.453.139.279
Số dư đầu năm nay	563.295.670.000	96.307.089.232	124.800.552.647	38.049.827.400	822.453.139.279
Tăng trong năm nay	-	-	2.634.000	638.855.746	641.489.746
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	114.024.537.620	-	114.024.537.620
Trích lập các quỹ	-	6.779.495.586	(29.958.976.119)	-	(23.179.480.533)
Chia cổ tức	-	-	(84.494.350.500)	-	(84.494.350.500)
Số dư cuối năm nay	563.295.670.000	103.086.584.818	124.374.397.648	38.688.683.146	829.445.335.612

An Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2023



Dương Quốc Quân
Người lập



Phạm Cao Trí
Kế toán trưởng



Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị